

**CÔNG TY CỔ PHẦN
CHỨNG KHOÁN ĐẠI VIỆT**

Báo cáo tài chính đã được soát xét
Cho kỳ tài chính 6 tháng kết thúc vào ngày 30/06/2015



MỤC LỤC

	Trang
BÁO CÁO CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC	1 – 2
BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH	3
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	
Bảng cân đối kế toán	4 – 7
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	8
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	9
Báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu	10
Thuyết minh báo cáo tài chính	11 – 23

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN ĐẠI VIỆT
46 – 48 Tôn Thất Đạm, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh
BÁO CÁO CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC

Tổng Giám đốc trình bày báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính đã được kiểm toán của Công ty Cổ Phần Chứng Khoán Đại Việt cho kỳ tài chính 6 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2015.

1. Công ty

Công ty Cổ phần Chứng Khoán Đại Việt ("Công ty") là công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam và hoạt động theo Giấy phép thành lập và hoạt động số 15/UBCK-GP ngày 28 tháng 6 năm 2006 do Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước cấp lần đầu và Quyết định điều chỉnh số 16/GPĐC-UBCK ngày 6 tháng 4 năm 2015 về việc thay đổi người đại diện theo pháp luật.

Trụ sở của Công ty được đặt số 46-48 Tôn Thất Đạm, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

Vào ngày 04 tháng 12 năm 2014, Công ty đã đóng cửa Chi Nhánh Hà Nội theo quyết định chấp thuận đóng cửa chi nhánh Công ty chứng khoán số 832/QĐ-UBCK ngày 31 tháng 10 năm 2014.

Hoạt động chính của Công ty trong kỳ tài chính 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015 là môi giới chứng khoán, quản lý danh mục đầu tư chứng khoán và kinh doanh chứng khoán.

2. Các thành viên của Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc

Các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát, Tổng giám đốc Công ty đã điều hành hoạt động của Công ty trong suốt kỳ tài chính 6 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2015 và đến ngày lập báo cáo này bao gồm các vị như sau:

Hội đồng Quản trị:

- | | |
|---------------------------|---|
| - Ông Nguyễn Tuấn | Chủ tịch (bổ nhiệm ngày 16/07/2015),
Thành viên (bổ nhiệm ngày 25/06/2015) |
| - Bà Lê Thị Bích Thủy | Phó chủ tịch (bổ nhiệm ngày 16/07/2015),
Chủ tịch (từ nhiệm ngày 03/02/2015) |
| - Ông Nguyễn Ngọc Duy Anh | Thành viên (bổ nhiệm ngày 16/07/2015),
Quyền chủ tịch (bổ nhiệm ngày 25/06/2015) |
| - Ông Hoàng Minh Dũng | Thành viên (bổ nhiệm ngày 16/07/2015) |
| - Ông Phạm Công Trung | Thành viên (bổ nhiệm ngày 09/01/2015, miễn nhiệm ngày 16/07/2015) |
| - Ông Phạm Đức Luận | Chủ tịch (bổ nhiệm ngày 03/02/2015, từ nhiệm 25/06/2015) |
| - Ông Mai Hữu Khương | Thành viên (miễn nhiệm ngày 09/01/2015) |
| - Ông Phan Thành Mai | Thành viên (miễn nhiệm ngày 09/01/2015) |
| - Ông Nguyễn Quốc Viễn | Thành viên (miễn nhiệm ngày 09/01/2015) |
| - Ông Nguyễn Thành Duy | Thành viên (miễn nhiệm ngày 09/01/2015) |

Ban kiểm soát:

- | | |
|----------------------------|---|
| - Ông Nguyễn Trường Thành | Thành viên (bổ nhiệm ngày 16/07/2015) |
| - Ông Lương Vũ Quang Trung | Thành viên (bổ nhiệm ngày 16/07/2015) |
| - Bà Trịnh Thị Tuyết Minh | Trưởng Ban kiểm soát (miễn nhiệm ngày 16/07/2015) |

Tổng Giám đốc:

- | | |
|----------------------|--|
| - Ông Trương Thế Hải | Quyền Tổng Giám đốc (bổ nhiệm ngày 01/04/2015) |
| - Bà Hoàng Thị Tâm | Tổng Giám đốc (từ nhiệm ngày 01/04/2015) |

3. Đánh giá tình hình kinh doanh

Kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty cho kỳ tài chính 6 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2015 và tình hình tài chính vào cùng ngày này được thể hiện trong Báo cáo tài chính đính kèm.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN ĐẠI VIỆT
46 – 48 Tôn Thất Đạm, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh
BÁO CÁO CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC

4. Các sự kiện phát sinh sau ngày ngày 30 tháng 6 năm 2015 ảnh hưởng đến báo cáo tài chính kỳ tài chính 6 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2015

Theo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên 2015 (họp lần thứ 3) ngày 16 tháng 7 năm 2015, Công ty đã sử dụng nguồn thặng dư vốn cổ phần, số tiền 138.575.000.000 VND, để bù lỗ lũy kế.

5. Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán AFC Việt Nam được chỉ định là kiểm toán viên thực hiện soát xét Báo cáo tài chính cho kỳ tài chính 6 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2015.

6. Công bố trách nhiệm của Tổng Giám đốc đối với Báo cáo tài chính

Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính và đảm bảo Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính vào ngày 30 tháng 6 năm 2015 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và dòng lưu chuyển tiền tệ trong kỳ tài chính 6 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2015 của Công ty, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán các công ty chứng khoán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Để lập Báo cáo tài chính này, Quyền Tổng Giám đốc Công ty được yêu cầu:

- Lựa chọn phù hợp và áp dụng nhất quán các chính sách kế toán;
- Thực hiện các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Trình bày các nguyên tắc kế toán đang được áp dụng, tùy thuộc vào sự khác biệt trọng yếu công bố và giải trình trong Báo cáo tài chính;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ khi giả thuyết Công ty sẽ tiếp tục hoạt động không còn phù hợp;
- Thiết lập, thực hiện và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ nhằm ngăn chặn và phát hiện gian lận và sai sót.

Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo sổ kế toán được ghi chép đầy đủ, phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty và đảm bảo Báo cáo tài chính của Công ty tuân thủ các chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán các công ty chứng khoán Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

7. Công bố Báo cáo tài chính

Chúng tôi công bố Báo cáo tài chính đính kèm. Báo cáo tài chính này phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty vào ngày 30 tháng 6 năm 2015, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cùng với bản thuyết minh đính kèm cho kỳ tài chính 6 tháng kết thúc cùng ngày, được lập phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán các công ty chứng khoán Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.



Handwritten signature in blue ink.

Ông TRƯƠNG THẾ HẢI

Q. Tổng Giám đốc

Theo ủy quyền số 03/2015/UQ-HĐQT ngày 13 tháng 8 năm 2015

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 14 tháng 8 năm 2015

Số: 140/2015/BCSX-HCM.00264

BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Kính gửi: **Các cổ đông, Hội đồng Quản trị và Quyền Tổng Giám đốc
CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN ĐẠI VIỆT**

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Chứng Khoán Đại Việt, được lập ngày 14 tháng 8 năm 2015, từ trang 4 đến trang 23, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 6 năm 2015, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho kỳ tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Quyền Tổng Giám đốc

Quyền Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán các công ty chứng khoán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Quyền Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét báo cáo tài chính theo Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam số 910 – “Công tác soát xét báo cáo tài chính”. Chuẩn mực này yêu cầu công tác soát xét phải lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo vừa phải rằng báo cáo tài chính không chứa đựng những sai sót trọng yếu. Công tác soát xét bao gồm chủ yếu là việc trao đổi với nhân sự của Công ty và áp dụng các thủ tục phân tích trên những thông tin tài chính; công tác này cung cấp một mức độ đảm bảo thấp hơn công tác kiểm toán. Chúng tôi không thực hiện công việc kiểm toán nên cũng không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có sự kiện nào để chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính đính kèm theo đây không phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu phù hợp với chuẩn mực kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Chứng Khoán Đại Việt cho kỳ tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 đã được kiểm toán bởi kiểm toán viên khác và công ty kiểm toán khác, kiểm toán viên này đưa ra ý kiến chấp nhận toàn phần đối với báo cáo này tại ngày 15 tháng 4 năm 2015.



TRANG ĐẮC NHA
Phó Tổng Giám đốc
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 2111-2013-009-1

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN AFC VIỆT NAM
TP. Hồ Chí Minh, ngày 14 tháng 8 năm 2015

LÊ NGỌC HẢI
Kiểm toán viên
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 0179-2013-009-1

Công ty Cổ phần Chứng Khoán Đại Việt
46 - 48 Tôn Thất Đạm - Phường Nguyễn Thái Bình - Quận 1 -TP. HCM

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Ngày 30 tháng 06 năm 2015

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	30/06/2015 VND	01/01/2015 VND
TÀI SẢN				
TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		80.672.995.599	79.568.847.632
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4.1	56.468.009.837	56.283.899.849
Tiền	111		18.468.009.837	19.283.899.849
Các khoản tương đương tiền	112		38.000.000.000	37.000.000.000
Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		7.533.890.522	7.590.842.483
Đầu tư ngắn hạn	121	4.3	8.003.022.740	8.003.022.740
Dự phòng giảm giá CK đầu tư ngắn hạn	129	4.3	(469.132.218)	(412.180.257)
Các khoản phải thu	130		16.295.628.112	15.565.882.150
Phải thu khách hàng	131		54.000.000	60.600.000
Trả trước cho người bán	132		131.736.000	131.736.000
Phải thu hoạt động giao dịch chứng khoán	135	4.4	394.277.257	516.497.030
Các khoản phải thu khác	138	4.5	98.290.609.013	96.431.418.976
Dự phòng các khoản phải thu khó đòi	139	4.6	(82.574.994.158)	(81.574.369.856)
Hàng tồn kho	140			
Tài sản ngắn hạn khác	150		375.467.128	128.223.150
Chi phí trả trước ngắn hạn	151	4.7	336.997.498	95.549.840
Thuế GTGT được khấu trừ	152		-	-
Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	154		-	-
Tài sản ngắn hạn khác	158	4.8	38.469.630	32.673.310

Công ty Cổ phần Chứng Khoán Đại Việt
46 - 48 Tôn Thất Đạm - Phường Nguyễn Thái Bình - Quận 1 -TP. HCM

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Ngày 30 tháng 06 năm 2015

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	30/06/2015 VND	01/01/2015 VND
TÀI SẢN				
TÀI SẢN DÀI HẠN	200		136.826.922.794	132.325.954.736
Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
Tài sản cố định	220		8.864.601.407	10.771.500.878
Tài sản cố định hữu hình	221	4.9	1.637.788.949	2.560.547.582
Nguyên giá	222		16.967.353.999	17.150.081.039
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(15.329.565.050)	(14.589.533.457)
Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
Nguyên giá	225		-	-
Giá trị hao mòn lũy kế	226		-	-
Tài sản cố định vô hình	227	4.10	7.226.812.458	8.175.051.573
Nguyên giá	228		15.534.880.046	15.534.880.046
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(8.308.067.588)	(7.359.828.473)
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230		-	35.901.723
Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		122.024.772.941	115.464.618.346
Đầu tư vào công ty con	251		-	-
Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		-	-
Đầu tư vào chứng khoán dài hạn	253	4.3	25.779.654.168	25.779.654.168
Đầu tư dài hạn khác	258	4.3	121.113.962.800	121.113.962.800
Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn	259	4.3	(24.868.844.027)	(31.428.998.622)
Tài sản dài hạn khác	260		5.937.548.446	6.089.835.512
Chi phí trả trước dài hạn	261	4.11	105.645.110	252.932.176
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
Tiền nộp Quỹ Hỗ trợ thanh toán	263	4.12	4.999.856.776	4.999.856.776
Tài sản dài hạn khác	268	4.13	832.046.560	837.046.560
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		217.499.918.393	211.894.802.368

Công ty Cổ phần Chứng Khoán Đại Việt
46 - 48 Tôn Thất Đạm - Phường Nguyễn Thái Bình - Quận 1 -TP. HCM

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Ngày 30 tháng 06 năm 2015

Chi tiêu	Mã số	Thuyết minh	30/06/2015 VND	01/01/2015 VND
NGUỒN VỐN			-	-
NỢ PHẢI TRẢ	300		15.132.627.621	13.764.593.312
Nợ ngắn hạn	310		15.132.627.621	13.764.593.312
Vay ngắn hạn	311		-	-
Phải trả cho người bán	312		19.950.000	18.850.000
Người mua trả tiền trước	313		-	-
Thuế và các khoản phải nộp nhà nước	314	4.14	41.620.851	84.291.198
Phải trả công nhân viên	315		367.500	-
Chi phí phải trả	316		1.137.774.657	297.676.003
Các khoản phải trả, phải nộp khác	319	4.15	508.957.957	421.955.880
Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	318		-	-
Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán	320	4.16	13.352.330.791	12.939.171.766
Phải trả hộ cổ tức, gốc và lãi trái phiếu	321		70.436.600	1.459.200
Phải trả tổ chức phát hành chứng khoán	322		-	-
Quỹ khen thưởng và phúc lợi	323		1.189.265	1.189.265
Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	328		-	-
Dự phòng phải trả ngắn hạn	329		-	-
Nợ dài hạn	330		-	-
VỐN CHỦ SỞ HỮU	400			
Vốn chủ sở hữu	410		202.367.290.772	198.130.209.056
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		250.000.000.000	250.000.000.000
Thặng dư vốn cổ phần	412		-	138.575.000.000
Vốn khác của chủ sở hữu	413		-	-
Cổ phiếu quỹ	414		-	-
Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415		-	-
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		-	-
Quỹ đầu tư phát triển	417		-	-
Quỹ dự phòng tài chính	418		3.562.404.755	3.562.404.755
Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ	419		4.237.404.755	4.237.404.755
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		(55.432.518.738)	(198.244.600.454)
Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
Nguồn kinh phí	432		-	-
Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	433		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		217.499.918.393	211.894.802.368

Công ty Cổ phần Chứng Khoán Đại Việt
46 - 48 Tôn Thất Đạm - Phường Nguyễn Thái Bình - Quận 1 - TP. HCM

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Ngày 30 tháng 06 năm 2015

CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	30/06/2015	01/01/2015
Chứng khoán lưu ký	006		130.954.860.000	143.418.790.000
trong đó				
Chứng khoán giao dịch	007		129.316.740.000	142.152.530.000
- Chứng khoán giao dịch của thành viên lưu ký	008		7.999.100.000	7.980.350.000
- Chứng khoán giao dịch của khách hàng trong nước	009		112.460.370.000	125.984.920.000
- Chứng khoán giao dịch của khách hàng nước ngoài	010		8.857.270.000	8.187.260.000
Chứng khoán tạm ngừng giao dịch	012		188.700.000	214.400.000
- Chứng khoán tạm ngừng giao dịch của khách hàng trong nước	014		188.700.000	214.400.000
Chứng khoán chờ thanh toán	027		1.412.880.000	1.004.100.000
- Chứng khoán chờ thanh toán của khách hàng trong nước	029		1.412.880.000	1.004.100.000
Chứng khoán chờ giao dịch	037		36.540.000	47.760.000
- Chứng khoán chờ giao dịch của khách hàng trong nước	039		29.450.000	46.920.000
- Chứng khoán chờ giao dịch của khách hàng nước ngoài	040		7.090.000	840.000
Chứng khoán lưu ký công ty đại chúng chưa niêm yết	050		32.574.070.000	59.832.210.000
trong đó				
Chứng khoán giao dịch	051		32.542.570.000	25.856.410.000
- Chứng khoán giao dịch của thành viên lưu ký	052		770.000	770.000
- Chứng khoán giao dịch của khách hàng trong nước	053		32.478.800.000	25.842.640.000
- Chứng khoán giao dịch của khách hàng nước ngoài	054		63.000.000	13.000.000
Chứng khoán tạm ngừng giao dịch	056		13.500.000	13.500.000
- Chứng khoán tạm ngừng giao dịch của khách hàng trong nước	058		13.500.000	13.500.000
Chứng khoán cầm cố	061		-	33.961.300.000
- Chứng khoán cầm cố của khách hàng trong nước	063		-	33.961.300.000
Chứng khoán chờ thanh toán	071		18.000.000	1.000.000
- Chứng khoán chờ thanh toán của khách hàng trong nước	073		18.000.000	1.000.000
Chứng khoán chưa lưu ký của công ty chứng khoán	083		41.144.990.000	41.144.990.000

ĐỖ THỊ MỸ LINH
Người lập biểu

TRẦN THỊ RỒNG
Kế toán trưởng

TRƯƠNG THẾ HẢI
Q. Tổng Giám đốc
TP. Hồ Chí Minh, ngày 14 tháng 8 năm 2015



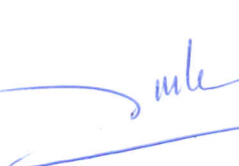
Công ty Cổ phần Chứng Khoán Đại Việt

46 - 48 Tôn Thất Đạm - Phường Nguyễn Thái Bình - Quận 1 -TP. HCM

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Kỳ tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2015

	Mã số	Thuyết minh	6 tháng năm 2015 VND	6 tháng năm 2014 VND
Doanh thu	01	5.1	5.665.747.156	9.537.148.207
Doanh thu hoạt động môi giới chứng khoán	01.1		243.959.406	1.415.120.621
Doanh thu hoạt động đầu tư chứng khoán, góp vốn	01.2		4.432.171.642	6.424.052.487
Doanh thu khác	01.8		989.616.108	1.697.975.099
Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	20.950.296
Doanh thu thuần về hoạt động kinh doanh	10		5.665.747.156	9.516.197.911
Chi phí hoạt động kinh doanh	11	5.2	(3.954.071.260)	26.576.201.040
Lợi nhuận gộp của hoạt động kinh doanh	20		9.619.818.416	(17.060.003.129)
Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	5.3	5.304.016.472	2.685.382.371
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	30		4.315.801.944	(19.745.385.500)
Thu nhập khác	31		28.536.363	7.545.455
Chi phí khác	32		107.256.591	5
Lợi nhuận khác	40		(78.720.228)	7.545.450
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		4.237.081.716	(19.737.840.050)
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	5.4	-	-
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
Lợi nhuận sau thuế TNDN	60		4.237.081.716	(19.737.840.050)
Lãi trên cổ phiếu	70	5.5	169	(790)


ĐỖ THỊ MỸ LINH
Người lập biểu


TRẦN THỊ RÒNG
Kế toán trưởng


TRƯƠNG THẾ HẢI
Q. Tổng Giám đốc

TP. Hồ Chí Minh, ngày 14 tháng 8 năm 2015



Công ty Cổ phần Chứng Khoán Đại Việt
46 - 48 Tôn Thất Đạm - Phường Nguyễn Thái Bình - Quận 1 -TP. HCM

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Kỳ tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2015

Chỉ tiêu	Mã số	6 tháng năm 2015 VND	6 tháng năm 2014 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
Lợi nhuận trước thuế	01	4.237.081.716	(19.737.840.050)
<i>Điều chỉnh cho các khoản</i>			
Khấu hao tài sản cố định	02	1.922.847.089	1.847.683.766
Các khoản dự phòng/ (hoàn nhập)	03	(5.502.578.332)	16.225.216.378
(Lãi)/lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04	-	-
(Lãi)/lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(5.353.543.160)	(481.612.382)
Chi phí lãi vay	06	-	-
Lợi nhuận KD trước những thay đổi vốn lưu động	08	(4.696.192.687)	(2.146.552.288)
(Tăng)/giảm các khoản phải thu	09	311.281.736	10.371.765.134
(Tăng)/giảm hàng tồn kho	10	-	-
Tăng/ (giảm) các khoản phải trả	11	1.368.034.309	4.810.120.540
(Tăng)/ giảm chi phí trả trước	12	(94.160.592)	157.056.656
Tiền lãi vay đã trả	13	-	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	-	-
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15	78.813.680	87.750.839
Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	16	(79.610.000)	(75.200.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(3.111.833.554)	13.204.940.881
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
Tiền chi mua sắm, XD TSCĐ và các TSDH khác	21	(83.770.687)	(1.378.080.000)
Tiền thu thanh lý, nhượng bán TSCĐ và TSDH khác	22	28.536.363	-
Tiền chi cho vay, mua công cụ nợ của đơn vị khác	23	-	-
Tiền thu hồi cho vay, bán lại công cụ nợ của ĐV khác	24	-	-
Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	-	(4.802.100.000)
Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	-	5.109.453.000
Tiền thu cổ tức và lợi nhuận được chia	27	3.351.177.866	2.647.003.798
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	3.295.943.542	1.576.276.798
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, trái phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	-	-
Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của công ty đã phát hành	32	-	-
Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	-	-
Tiền chi trả nợ gốc vay	34	-	-
Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35	-	-
Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	-	(500.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	-	(500.000)
LƯU CHUYỂN TIỀN THUẦN TRONG KỲ	50	184.109.988	14.780.717.679
TIỀN VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN ĐẦU KỲ	60	56.283.899.849	52.696.937.611
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	-	-
TIỀN VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN CUỐI KỲ	70	56.468.009.837	67.477.655.290

ĐỖ THỊ MỸ LINH
Người lập biểu

TRẦN THỊ RỒNG
Kế toán trưởng

TRƯƠNG THẾ HẢI
Q. Tổng Giám đốc

TP. Hồ Chí Minh, ngày 14 tháng 8 năm 2015



95-C
TY
HỮU
DÂN
NAM
CH
C.
TY
AN
HOAN
IET
5 CH

Công ty Cổ phần Chứng Khoán Đại Việt
46 - 48 Tôn Thất Đạm - Phường Nguyễn Thái Bình - Quận 1 -TP. HCM

BÁO CÁO TÌNH HÌNH BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU
6 tháng năm 2015

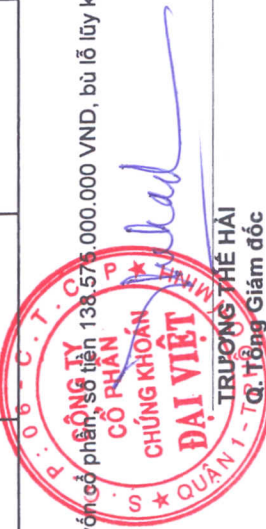
Chỉ tiêu	Thuyết minh	Số dư đầu năm		Số tăng giảm				Số dư cuối 6 tháng đầu năm	
		2014	2015	6 tháng đầu năm 2014		6 tháng đầu năm 2015		2014	2015
		VND	VND	Tăng VND	Giảm VND	Tăng VND	Giảm VND	VND	VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		250.000.000.000	250.000.000.000	-	-	-	-	250.000.000.000	250.000.000.000
Thặng dư vốn cổ phần		138.575.000.000	138.575.000.000	-	-	-	138.575.000.000	138.575.000.000	-
Vốn khác của chủ sở hữu		-	-	-	-	-	-	-	-
Cổ phiếu quỹ		-	-	-	-	-	-	-	-
Chênh lệch đánh giá lại tài sản		-	-	-	-	-	-	-	-
Chênh lệch tỷ giá hối đoái		-	-	-	-	-	-	-	-
Quỹ dự phòng tài chính		3.562.404.755	3.562.404.755	-	-	-	-	3.562.404.755	3.562.404.755
Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ		4.237.404.755	4.237.404.755	-	-	-	-	4.237.404.755	4.237.404.755
Các quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu		-	-	-	-	-	-	-	-
Lợi nhuận chưa phân phối		(175.771.553.565)	(198.244.600.454)	(19.737.840.050)		142.812.081.716		(195.509.393.615)	(55.432.518.738)
Cộng		220.603.255.945	198.130.209.056	(19.737.840.050)	-	142.812.081.716	138.575.000.000	200.865.415.895	202.367.290.772

Lý do tăng giảm :

- Theo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên 2015 (họp lần thứ 3) ngày 16 tháng 7 năm 2015, Công ty sử dụng nguồn thặng dư vốn cổ phần, số tiền 138.575.000.000 VND, bù lỗ lũy kế.


ĐỖ THỊ MỸ LINH
Người lập biểu


TRẦN THỊ RỒNG
Kế toán trưởng



TRƯƠNG THẾ HẢI
Q. Hồng Giám đốc
TP. Hồ Chí Minh, ngày 14 tháng 8 năm 2015



CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN ĐẠI VIỆT
46 - 48 Tôn Thất Đạm, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Cho kỳ tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2015

Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời được đọc cùng với các báo cáo tài chính đính kèm.

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

Công ty Cổ phần Chứng Khoán Đại Việt ("Công ty") là công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam và hoạt động theo Giấy phép thành lập và hoạt động số 15/UBCK-GP ngày 28 tháng 6 năm 2006 do Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước cấp lần đầu và Quyết định điều chỉnh số 16/GPĐC-UBCK ngày 6 tháng 4 năm 2015 về việc thay đổi người đại diện theo pháp luật

Trụ sở của Công ty được đặt số 46-48 Tôn Thất Đạm, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

Vào ngày 04 tháng 12 năm 2014, Công ty đã đóng cửa Chi nhánh Hà Nội theo quyết định chấp thuận đóng cửa chi nhánh Công ty chứng khoán số 832/QĐ-UBCK ngày 31 tháng 10 năm 2014.

Hoạt động chính của Công ty trong kỳ tài chính 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015 là môi giới chứng khoán, quản lý danh mục đầu tư chứng khoán và kinh doanh chứng khoán.

Đến ngày 30 tháng 6 năm 2015, tổng số nhân viên của Công ty là 31 người (vào ngày 31 tháng 12 năm 2014 : 32 người).

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Báo cáo tài chính được trình bày bằng đồng Việt Nam, được lập theo các chuẩn mực kế toán Việt Nam. Công ty áp dụng chế độ kế toán các công ty chứng khoán sau :

- Quyết định 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/3/2006 về việc ban hành Chế độ kế toán doanh nghiệp ;
- Thông tư 95/2008/TT-BTC ngày 24/10/2008 về việc hướng dẫn chế độ kế toán các công ty chứng khoán thay thế cho Quyết định 99/2000/QĐ-BTC ngày 13/06/2000 ;
- Thông tư 162/2010/TT-BTC ngày 20/10/2010 về việc sửa đổi, bổ sung thông tư 95/2008/TT-BTC ngày 24/10/2008.

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở giá gốc. Các chính sách kế toán được Công ty áp dụng nhất quán và phù hợp với các chính sách kế toán đã được sử dụng trong những năm trước.

Năm tài chính của Công ty được bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ được sử dụng trong kế toán là đồng Việt Nam (VND).

Hình thức sổ kế toán áp dụng của Công ty là Nhật ký chung.

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

3.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn, vàng và tiền đang chuyển. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá 3 tháng có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

3.2 Các giao dịch bằng ngoại tệ

Trong kỳ, các nghiệp vụ phát sinh bằng đồng tiền khác với VND được quy đổi ra VND theo tỷ giá hối đoái tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Vào thời điểm cuối năm các tài sản bằng tiền và công nợ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch của ngân hàng thương mại nơi Công ty mở tài khoản công bố vào ngày này.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ và chênh lệch đánh giá lại được ghi nhận vào doanh thu hoặc chi phí hoạt động tài chính trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

3.3 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu thương mại và các khoản phải thu khác được phản ánh theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản phải thu không được khách hàng thanh toán phát sinh đối với số dư các khoản phải thu tại thời điểm lập Bảng cân đối kế toán. Việc trích lập hoặc hoàn nhập khoản dự phòng phải thu khó đòi được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

3.4 Tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình và vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá của một tài sản cố định bao gồm giá mua và các khoản chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản đó vào sử dụng. Những chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định được chuyển hóa thành tài sản cố định, những chi phí bảo trì và sửa chữa được ghi vào chi phí của năm hiện hành.

Khi bán hay thanh lý tài sản, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế của tài sản được xóa sổ trong các báo cáo tài chính và bất kỳ các khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Khấu hao tài sản cố định được tính theo phương pháp khấu hao đường thẳng theo thời gian hữu ích ước tính của các tài sản như sau :

Phương tiện vận tải	8 năm
Máy móc, thiết bị quản lý	8 năm
Tài sản cố định hữu hình khác	8 năm
Bản quyền	8 năm
Phần mềm máy tính	8 năm

3.5 Xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang là chi phí xây dựng các công trình chưa hoàn thành và không trích khấu hao trong suốt giai đoạn đầu tư xây dựng dở dang.

3.6 Đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư chứng khoán được ghi nhận theo giá gốc. Giá vốn chứng khoán tự doanh được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Khi thanh lý một khoản đầu tư, phần chênh lệch giữa giá thanh lý thuần và giá trị ghi sổ được ghi nhận vào kết quả kinh doanh trong kỳ.

Dự phòng giảm giá chứng khoán được trích lập vào ngày kết thúc kỳ kế toán. Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán kinh doanh đã niêm yết được lập cho từng loại chứng khoán được mua bán trên thị trường và có giá thị trường giảm so với giá trị sổ sách. Giá thị trường làm căn cứ xem xét trích lập dự phòng được xác định theo giá đóng cửa tại ngày gần nhất có giao dịch tính đến ngày trích lập dự phòng đối với chứng khoán niêm yết tại các Sở giao dịch chứng khoán ;

Tăng hoặc giảm số dư khoản dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán được ghi nhận vào chi phí kinh doanh trong kỳ.

3.7 Các khoản phải trả và phải trả khác

Các khoản phải trả thương mại và phải trả khác được thể hiện theo giá gốc.

3.8 Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí hoạt động kinh doanh trong kỳ.

3.9 Doanh thu

Doanh thu được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu đã được chuyển giao cho người mua, dịch vụ đã được cung cấp. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi khoản phải thu.

Doanh thu hoạt động môi giới

Doanh thu hoạt động môi giới chứng khoán được căn cứ vào mức phí quy định của Công ty nhưng không được vượt mức quy định của Trung tâm lưu ký chứng khoán.

Doanh thu từ hoạt động tự doanh và góp vốn

Doanh thu từ hoạt động tự doanh và góp vốn bao gồm thu nhập từ hoạt động tự doanh và cổ tức. Thu nhập từ hoạt động tự doanh là khoản chênh lệch giữa giá bán và giá vốn của chứng khoán bán ra. Thu nhập từ cổ tức được ghi nhận khi quyền nhận cổ tức được xác lập.

Cổ tức nhận bằng cổ phiếu không được ghi nhận vào thu nhập mà chỉ ghi nhận số lượng tăng thêm.

Doanh thu khác

Doanh thu khác bao gồm lãi tiền gửi ngân hàng, tiền lãi thu được từ các hoạt động tạm ứng vốn cho nhà đầu tư và hoạt động giao dịch ký quỹ và cho khách hàng vay mua chứng khoán.

3.10 Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp ("TNDN") trong năm, bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả kinh doanh ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các khoản thuế thu nhập này cũng được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc niên độ kế toán, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến các năm trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp số dư nợ trên bảng cân đối kế toán, dựa trên các khoản chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích thuế. Giá trị của khoản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả được dự kiến sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để tài sản thuế thu nhập này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm khi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế có liên quan sẽ được thực hiện.

3.11 Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo vốn thực góp của chủ sở hữu.

3.12 Các bên có liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định tài chính và hoạt động. Các bên cũng được coi là liên quan nếu cũng được kiểm soát hoặc cùng chịu sự ảnh hưởng đáng kể của một bên thứ ba.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN ĐẠI VIỆT
46 - 48 Tôn Thất Đạm, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Cho kỳ tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2015

4. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

4.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

	30/06/2015	01/01/2015
	VND	VND
Tiền mặt	14.883.366	12.940.307
Tiền gửi ngân hàng (*)	18.453.126.471	19.270.959.542
Tương đương tiền (tiền gửi ngân hàng – kỳ hạn dưới 3 tháng)	38.000.000.000	37.000.000.000
	56.468.009.837	56.283.899.849

(*) Số dư tiền gửi ngân hàng vào ngày 30/6/2015 và vào ngày 01/01/2015 như sau :

- Tiền gửi ngân hàng của Công ty	4.111.193.324	5.336.440.166
- Tiền gửi ngân hàng của nhà đầu tư	11.464.839.483	11.856.446.340
- Tiền gửi thanh toán bù trừ	2.877.093.664	2.078.073.036
	18.453.126.471	19.270.959.542

4.2 Giá trị khối lượng giao dịch thực hiện trong kỳ

	Khối lượng giao dịch thực hiện trong kỳ	Giá trị khối lượng giao dịch thực hiện trong kỳ VND
a. Của Công ty chứng khoán		
- Cổ phiếu	-	-
- Trái phiếu	-	-
- Chứng khoán khác	-	-
b. Của nhà đầu tư		
- Cổ phiếu	8.856.846	106.687.915.800
- Trái phiếu	-	-
- Chứng khoán khác	-	-
	8.856.846	106.687.915.800

4.3 Các khoản đầu tư tài chính

Tại ngày 30/6/2015

	Giá trị theo sổ sách VND	So với giá thị trường		Giá thị trường VND	Dự phòng VND
		Tăng VND	Giảm VND		
a. Đầu tư ngắn hạn	8.003.022.740	674.202.878	469.132.218	8.208.093.400	469.132.218
- chứng khoán kinh doanh : cổ phiếu niêm yết	3.003.022.740	674.202.878	469.132.218	3.208.093.400	469.132.218
- Tiền gửi có kỳ hạn trên 90 ngày	5.000.000.000	-	-	5.000.000.000	-
b. Đầu tư dài hạn	146.893.616.968	104.000	24.868.844.027	122.024.876.941	24.868.844.027
- Chứng khoán sẵn sàng để bán : cổ phiếu niêm yết	25.779.654.168	104.000	3.259.538.368	22.520.219.800	3.259.538.368
- Đầu tư dài hạn khác	121.113.962.800	-	21.609.305.659	99.504.657.141	21.609.305.659
Tổng cộng	154.896.639.708	674.306.878	25.337.976.245	130.232.970.341	25.337.976.245

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN ĐẠI VIỆT
46 - 48 Tôn Thất Đạm, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Cho kỳ tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2015

Tại ngày 31/12/2014

	Giá trị theo sổ sách	So với giá thị trường		Giá thị trường	Dự phòng
		Tăng	Giảm		
	VND	VND	VND	VND	VND
a. Đầu tư ngắn hạn	8.003.022.740	453.595.317	412.180.257	8.044.437.800	412.180.257
- Chứng khoán kinh doanh : cổ phiếu niêm yết	3.003.022.740	453.595.317	412.180.257	3.044.437.800	412.180.257
- Tiền gửi có kỳ hạn trên 90 ngày	5.000.000.000	-	-	5.000.000.000	-
b. Đầu tư dài hạn	146.893.616.968	405.962.334	31.428.998.622	115.870.580.680	31.428.998.622
- Chứng khoán sẵn sàng để bán : cổ phiếu niêm yết	25.779.654.168	405.962.334	9.618.691.102	16.566.925.400	9.618.691.102
- Đầu tư dài hạn khác	121.113.962.800	-	21.810.307.520	99.303.655.280	21.810.307.520
Tổng cộng	154.896.639.708	859.557.651	31.841.178.879	123.915.018.480	31.841.178.879

4.4 Phải thu hoạt động giao dịch chứng khoán

	30/06/2015 VND	01/01/2015 VND
Phải thu từ hoạt động ứng trước tiền bán	394.277.257	516.497.030
	394.277.257	516.497.030

4.5 Các khoản phải thu khác

	30/06/2015 VND	01/01/2015 VND
Phải thu hoạt động giao dịch ký quỹ quá hạn từ năm 2009	87.553.602.872	87.557.044.872
Phải thu hoạt động ứng trước tiền bán quá hạn từ năm 2009	5.138.287.589	5.138.287.589
Phải thu quá hạn khác từ năm 2009	3.165.421.391	3.165.421.391
Phải thu khác	2.433.297.161	570.665.124
	98.290.609.013	96.431.418.976

4.6 Dự phòng các khoản phải thu

	30/06/2015 VND	01/01/2015 VND
Số dư đầu năm	81.574.369.856	83.564.607.971
Trích lập/(hoàn nhập) dự phòng	1.000.624.302	(1.990.238.115)
Số cuối năm	82.574.994.158	81.574.369.856

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN ĐẠI VIỆT
46 - 48 Tôn Thất Đạm, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Cho kỳ tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2015

4.7 Chi phí trả trước ngắn hạn

	30/06/2015 VND	01/01/2015 VND
Chi phí trả trước	336.997.498	95.549.840
	336.997.498	95.549.840

4.8 Tài sản ngắn hạn khác

	30/06/2015 VND	01/01/2015 VND
Tạm ứng	38.469.630	32.673.310
	38.469.630	32.673.310

4.9 Tài sản cố định hữu hình

	Phương tiện vận tải VND	Máy móc thiết bị quản lý VND	Tài sản cố định khác VND	Cộng VND
Nguyên giá				
Vào ngày 01/01/2015	16.572.119.121	547.861.918	30.100.000	17.150.081.039
Tăng	119.672.410	-	-	119.672.410
Thanh lý, nhượng bán	(223.459.450)	(78.940.000)	-	(302.399.450)
Vào ngày 30/06/2015	16.468.332.081	468.921.918	30.100.000	16.967.353.999
Giá trị hao mòn lũy kế				
Vào ngày 01/01/2015	14.118.130.693	459.174.629	12.228.135	14.589.533.457
Khấu hao trong kỳ	949.021.888	23.704.837	1.881.249	974.607.974
Thanh lý, nhượng bán	(186.883.474)	(47.692.907)	-	(234.576.381)
Vào ngày 30/06/2015	14.880.269.107	435.186.559	14.109.384	15.329.565.050
Giá trị còn lại				
Vào ngày 01/01/2015	2.453.988.428	88.687.289	17.871.865	2.560.547.582
Vào ngày 30/06/2015	1.588.062.974	33.735.359	15.990.616	1.637.788.949

4.10 Tài sản cố định vô hình

	Bản quyền VND	Phần mềm VND	Tài sản cố định vô hình khác VND	Cộng VND
Nguyên giá				
Vào ngày 01/01/2015	544.697.432	14.990.182.614	-	15.534.880.046
Tăng	-	-	-	-
Vào ngày 30/06/2015	544.697.432	14.990.182.614	-	15.534.880.046
Giá trị hao mòn lũy kế				
Vào ngày 01/01/2015	491.174.770	6.868.653.703	-	7.359.828.473
Khấu hao trong kỳ	31.333.953	916.905.162	-	948.239.115
Vào ngày 30/06/2015	522.508.723	7.785.558.865	-	8.308.067.588
Giá trị còn lại				
Vào ngày 01/01/2015	53.522.662	8.121.528.911	-	8.175.051.573
Vào ngày 30/06/2015	22.188.709	7.204.623.749	-	7.226.812.458

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN ĐẠI VIỆT
46 - 48 Tôn Thất Đạm, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Cho kỳ tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2015

4.11 Chi phí trả trước dài hạn

	30/06/2015 VND	01/01/2015 VND
Chi phí công cụ	100.139.390	243.297.166
Khác	5.505.720	9.635.010
	105.645.110	252.932.176

4.12 Tiền nộp Quỹ hỗ trợ thanh toán

	30/06/2015 VND	01/01/2015 VND
Số dư đầu kỳ/năm	4.999.856.776	4.728.406.028
Tiền nộp bổ sung	-	-
Tiền lãi	-	271.450.748
Số dư cuối kỳ/ năm	4.999.856.776	4.999.856.776

4.13 Tài sản dài hạn khác

	30/06/2015 VND	01/01/2015 VND
Ký quỹ	832.046.560	837.046.560
	832.046.560	837.046.560

4.14 Thuế và các khoản nộp nhà nước

	30/06/2015 VND	01/01/2015 VND
Thuế thu nhập cá nhân	41.620.851	83.691.198
Thuế giá trị gia tăng	-	600.000
	41.620.851	84.291.198

4.15 Phải trả khác

	30/06/2015 VND	01/01/2015 VND
Phải trả cổ tức	303.130.000	303.130.000
Kinh phí công đoàn	120.924.800	86.832.800
Bảo hiểm xã hội	83.037.077	30.986.000
Phải trả khác	1.866.080	1.007.080
	508.957.957	421.955.880

4.16 Phải trả khác

	30/06/2015 VND	01/01/2015 VND
Tiền gửi trong tài khoản kinh doanh chứng khoán của nhà đầu tư	11.464.697.467	11.856.038.798
Tiền gửi giao dịch chứng khoán của khách hàng chờ thanh toán	1.866.324.000	1.072.305.000
Phải trả Sổ giao dịch, trung tâm lưu ký chứng khoán	21.309.324	10.827.968
	13.352.330.791	12.939.171.766

4.17 Vốn chủ sở hữu

Cổ phiếu

	30/06/2015	01/01/2015
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	25.000.000	25.000.000
Số lượng cổ phiếu đã phát hành	25.000.000	25.000.000
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	25.000.000	25.000.000

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành 10.000 VND.

Chi tiết góp vốn

	30/06/2015		01/01/2015	
	Tỷ lệ sở hữu (%)	Cổ phiếu VND	Tỷ lệ sở hữu (%)	Cổ phiếu VND
Phần vốn tổ chức	33,33%	8.339.150	33,33%	8.339.150
Phần vốn của cá nhân	66,67%	16.660.850	66,67%	16.660.850
		25.000.000		25.000.000

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN ĐẠI VIỆT
46 - 48 Tôn Thất Đạm, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Cho kỳ tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2015

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

5.1 Doanh thu

	6 tháng đầu năm 2015 VND	6 tháng đầu năm 2014 VND
Doanh thu hoạt động môi giới chứng khoán	243.959.406	1.415.120.621
Doanh thu hoạt động đầu tư chứng khoán, góp vốn (*)	4.432.171.642	6.424.052.487
Doanh thu khác (**)	989.616.108	1.697.975.099
	5.665.747.156	9.537.148.207

(*) Doanh thu hoạt động đầu tư chứng khoán, góp vốn

	6 tháng đầu năm 2015 VND	6 tháng đầu năm 2014 VND
Thu nhập từ cổ tức	4.432.171.642	1.820.263.033
Lãi từ mua bán chứng khoán		4.603.789.454
	4.432.171.642	6.424.052.487

() Doanh thu khác**

	6 tháng đầu năm 2015 VND	6 tháng đầu năm 2014 VND
Lãi tiền gửi ngân hàng	960.658.224	1.265.176.415
Lãi từ hoạt động ứng tiền bán cho nhà đầu tư	28.957.884	319.938.526
Doanh thu từ hợp đồng hợp tác kinh doanh	-	100.860.158
Doanh thu khác	-	12.000.000
	989.616.108	1.697.975.099

5.2 Chi phí hoạt động kinh doanh

	6 tháng đầu năm 2015 VND	6 tháng đầu năm 2014 VND
Chi phí / (hoàn nhập) dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán	(6.503.202.634)	18.404.201.844
Lỗ từ mua bán chứng khoán ngắn hạn	-	1.457.775.000
Lỗ thanh lý chứng khoán dài hạn	-	2.747.727.000
Chi phí nhân viên	580.143.000	1.423.785.600
Chi phí khấu hao tài sản cố định	975.574.456	824.715.452
Chi phí thuê văn phòng	374.825.634	645.492.300
Chi phí môi giới chứng khoán cho nhà đầu tư	430.344.381	750.801.769
Chi phí khác	188.243.903	321.702.075
	(3.954.071.260)	26.576.201.040

5.3 Chi phí quản lý doanh nghiệp

	6 tháng đầu năm 2015 VND	6 tháng đầu năm 2014 VND
Chi phí nhân viên quản lý	1.890.180.850	1.975.407.359
Chi phí khấu hao tài sản cố định	947.272.633	1.022.968.314
Chi phí thuê văn phòng	405.492.300	405.492.300
Chi phí thuê ngoài	858.176.129	1.029.616.353
Chi phí / (Hoàn nhập) dự phòng nợ phải thu khó đòi	1.000.624.302	(2.178.985.466)
Chi phí khác	202.270.258	430.883.511
	5.304.016.472	2.685.382.371

5.4 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) hiện hành

	6 tháng đầu năm 2015 VND	6 tháng đầu năm 2014 VND
Lợi nhuận trước thuế theo kế toán	4.237.081.716	(19.737.840.050)
Điều chỉnh các khoản tăng/giảm lợi nhuận để xác định lợi nhuận tính thuế:		
- Cổ tức, lợi nhuận được chia	(4.432.171.642)	(1.820.263.033)
- Chi phí không được khấu trừ	1.087.625.302	6.289.427.341
- Chênh lệch tỷ giá khoản phải thu, tiền		
Lợi nhuận chịu thuế trong kỳ	892.535.376	(15.268.675.742)
Chuyển lỗ các năm trước	(892.535.376)	-
Lợi nhuận tính thuế	-	-
Thuế suất	22%	22%
Chi phí thuế TNDN hiện hành	-	-

5.5 Lãi cơ bản trên cổ phiếu

		6 tháng đầu năm 2015 VND	6 tháng đầu năm 2014 VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế TNDN	VND	4.237.081.716	(19.737.840.050)
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	CP	25.000.000	25.000.000
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	CP	25.000.000	25.000.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	VND/CP	169	(790)

6. QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH

Các hoạt động của Công ty có thể khiến Công ty phải chịu rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro về giá), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

a. Rủi ro thị trường

- Rủi ro về giá

Các cổ phiếu đã niêm yết và chưa niêm yết do Công ty nắm giữ bị ảnh hưởng bởi các rủi ro thị trường phát sinh phát sinh từ tính không chắc chắn về giá trị tương lai của cổ phiếu đầu tư. Công ty quản lý rủi ro về giá cổ phiếu bằng cách thiết lập hạn mức đầu tư, danh mục đầu tư, định kỳ đánh giá lại danh mục, tuân thủ các nguyên tắc và giới hạn trong quy chế đầu tư. Ban Tổng Giám đốc của Công ty cũng xem xét và phê duyệt các quyết định đầu tư vào cổ phiếu.

b. Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà Công ty phải gánh chịu tổn thất do một bên tham gia trong một công cụ tài chính không thực hiện nghĩa vụ hoặc cam kết đã ký với Công ty. Công ty có rủi ro tín dụng từ các hoạt động của mình (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và từ hoạt động tài chính của mình bao gồm cả tiền gửi ngân hàng và các công cụ tài chính khác.

Công ty không có rủi ro tín dụng đối với khoản phải thu khách hàng do Công ty quản lý tài sản của khách hàng (nhà đầu tư ủy thác).

Mức rủi ro tín dụng tối đa đối với mỗi nhóm tài sản tài chính bằng với giá trị ghi sổ của nhóm công cụ tài chính đó trên bảng cân đối kế toán. Các nhóm tài sản tài chính lớn của Công ty là tiền gửi ngân hàng, các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác.

Các khoản phải thu từ hoạt động giao dịch chứng khoán và phải thu khác quá hạn như sau :

	30/06/2015 VND	01/01/2015 VND
Quá hạn trên 3 năm	95.857.311.852	95.860.753.852

Giá trị ghi sổ của các khoản phải thu được xác định là có giảm giá và sự tăng, giảm dự phòng khoản giảm giá liên quan như sau :

	30/06/2015 VND	01/01/2015 VND
Phải thu khách hàng	54.000.000	60.600.000
Ứng trước người bán	131.736.000	131.736.000
Phải thu hoạt động giao dịch chứng khoán	394.277.257	516.497.030
Phải thu khác	98.290.609.013	96.431.418.976
	98.870.622.270	97.140.252.006
Trừ dự phòng giảm giá đã lập	(82.574.994.158)	(81.574.369.856)
	16.295.628.112	15.565.882.150

c. Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro mà Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty giám sát rủi ro thanh khoản bằng việc duy trì tỷ lệ tiền mặt và các khoản tương đương tiền ở mức mà Tổng Giám đốc cho là đủ để hỗ trợ tài chính cho các hoạt động kinh doanh của Công ty và để giảm thiểu ảnh hưởng của những biến động các luồng tiền. Bảng dưới đây tổng hợp thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính của Công ty dựa trên :

Công cụ tài chính	Dưới 1 năm VND	Từ 1 đến 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Cộng VND
Cuối năm				
Phải trả người khác	19.950.000	-	-	19.950.000
Chi phí phải trả	1.137.774.657	-	-	1.137.774.657
Các khoản phải trả ngắn hạn khác	508.957.957	-	-	508.957.957
Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán	13.352.330.791	-	-	13.352.330.791
	15.019.013.405	-	-	15.019.013.405
Đầu năm				
Phải trả người khác	18.850.000	-	-	18.850.000
Chi phí phải trả	297.676.003	-	-	297.676.003
Các khoản phải trả ngắn hạn khác	421.955.880	-	-	421.955.880
Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán	12.939.171.766	-	-	12.939.171.766
	13.677.653.649	-	-	13.677.653.649

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối việc trả nợ là thấp.

7. CÁC THÔNG TIN KHÁC

Các bên liên quan với Công ty bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

7.1 Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt

	6 tháng đầu năm 2015 VND	6 tháng đầu năm 2014 VND
Thù lao Hội đồng quản trị, ban kiểm soát	116.456.000	130.000.000
Lương và thưởng Ban Tổng Giám đốc	264.900.000	227.518.000
	381.356.000	357.518.000

7.2 Cam kết thuê hoạt động

Các hợp đồng thuê hoạt động không hủy ngang. Công ty phải trả mức tối thiểu trong tương lai như sau

	30/6/2015 VND	01/01/2015 VND
Dưới 1 năm	1.351.641.000	1.621.969.200
Từ 2 đến 5 năm	-	540.656.400
	1.351.641.000	2.162.625.600

7.3 Nợ tiềm tàng

Trong tháng 6 năm 2013, ba nhà đầu tư mở tài khoản giao dịch chứng khoán tại Chi nhánh Hà Nội của Công ty đã khiếu nại Công ty vì mất tiền trong tài khoản kinh doanh chứng khoán của họ với tổng số tiền là 2.048.000.000 VND. Phó Giám đốc Công ty phụ trách Chi nhánh Hà Nội đã thực hiện chuyển khoản số tiền này từ các tài khoản kinh doanh chứng khoán của nhà đầu tư sang tài khoản kinh doanh chứng khoán của Ông khi chưa có sự đồng ý, xác nhận của các nhà đầu tư này.

Tại ngày lập báo cáo tài chính này, Công ty và các cơ quan điều tra đang trong quá trình làm việc để điều tra sự việc trên. Công ty cam kết giải quyết vấn đề này với các nhà đầu tư khi có kết quả điều tra từ các cơ quan có thẩm quyền.


ĐỖ THỊ MỸ LINH
Người lập biểu


TRẦN THỊ RÒNG
Kế toán trưởng



TRƯƠNG THẾ HẢI
Q. Tổng Giám đốc
Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 14 tháng 8 năm 2015



